

【福井県】主な野菜の作付面積と収穫量

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比			
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)	
指 定 野 菜	キャベツ	123	3,210	2,830	99	99	97
	春キャベツ	27	672	533	nc	nc	nc
	夏秋キャベツ	8	221	204	nc	nc	nc
	冬キャベツ	88	2,320	2,090	100	98	99
	きゅうり	67	1,210	931	nc	nc	nc
	冬春きゅうり	5	263	241	nc	nc	nc
	夏秋きゅうり	62	949	690	nc	nc	nc
	さといも	208	2,850	1,510	100	108	109
	秋冬さといも	208	2,850	1,510	100	108	109
	その他さといも	-	-	-	nc	nc	nc
	だいこん	225	5,410	4,860	97	104	105
	春だいこん	37	1,590	1,500	154	159	162
	夏だいこん	1	15	2	nc	nc	nc
	秋冬だいこん	187	3,800	3,360	90	91	91
	たまねぎ	73	1,550	716	nc	nc	nc
	トマト	79	2,330	2,040	105	104	103
	ミニトマト	17	490	450	100	108	112
	加工用トマト	-	-	-	nc	nc	nc
	冬春トマト	19	840	779	nc	nc	nc
	冬春ミニトマト	5	158	143	nc	nc	nc
	夏秋トマト	60	1,490	1,260	100	110	117
	夏秋ミニトマト	12	332	307	100	107	114
	夏秋加工用トマト	-	-	-	nc	nc	nc
	なす	91	1,160	475	101	101	100
	冬春なす	-	-	-	nc	nc	nc
	夏秋なす	91	1,160	475	101	101	100
	にんじん	50	955	837	122	126	124
	春夏にんじん	11	238	201	nc	nc	nc
	秋にんじん	3	37	24	150	154	133
	冬にんじん	36	680	612	103	107	109
	ねぎ	138	2,200	1,940	104	108	105
	春ねぎ	17	313	261	nc	nc	nc
	夏ねぎ	27	389	330	104	120	112
	秋冬ねぎ	94	1,500	1,350	101	99	99
	はくさい	64	1,100	365	nc	nc	nc
	春はくさい	1	21	12	nc	nc	nc
	夏はくさい	-	-	-	nc	nc	nc
	秋冬はくさい	63	1,080	353	nc	nc	nc
	ばれいしょ	303	3,250	622	nc	nc	nc
	春ばれいしょ	285	3,110	611	nc	nc	nc
秋ばれいしょ	18	139	11	nc	nc	nc	
ピーマン(しとう舎)	20	142	65	nc	nc	nc	
冬春ピーマン	-	-	-	nc	nc	nc	
夏秋ピーマン	20	142	65	nc	nc	nc	
ほうれんそう	73	678	542	100	93	93	
レタス(サラダ菜舎)	35	1,120	992	nc	nc	nc	
サラダ菜	8	259	251	nc	nc	nc	
春レタス(サラダ菜舎)	7	214	190	nc	nc	nc	
春サラダ菜	1	28	27	nc	nc	nc	
夏秋レタス(サラダ菜舎)	14	455	389	nc	nc	nc	
夏秋サラダ菜	3	85	84	nc	nc	nc	
冬レタス(サラダ菜舎)	14	454	413	nc	nc	nc	
冬サラダ菜	4	146	140	nc	nc	nc	

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比			
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)	
特 定 野 菜	アスパラガス	2	9	4	nc	nc	nc
	いちご	18	107	61	nc	nc	nc
	えだまめ	49	157	95	nc	nc	nc
	かぶ	50	730	478	nc	nc	nc
	かぼちゃ	71	569	254	nc	nc	nc
	カリフラワー	0	1	0	nc	nc	nc
	かんしょ	…	…		nc	nc	
	グリーンピース	2	8	4	nc	nc	nc
	ごぼう	9	56	6	nc	nc	nc
	こまつな	48	405	311	nc	nc	nc
	さやいんげん	26	176	34	nc	nc	nc
	さやえんどう	9	54	24	nc	nc	nc
	ししとう	3	21	2	nc	nc	nc
	冬春ししとう	-	-	-	nc	nc	nc
	夏秋ししとう	3	21	2	nc	nc	nc
	しゅんぎく	9	99	70	nc	nc	nc
	しょうが	2	18	13	nc	nc	nc
	スイートコーン	37	191	99	nc	nc	nc
	ずいか	148	4,690	4,190	99	100	100
	セルリー	0	1	0	nc	nc	nc
	そらまめ	21	169	130	nc	nc	nc
	ちんげんさい	3	27	8	nc	nc	nc
	にら	0	1	0	nc	nc	nc
	にんにく	10	79	42	nc	nc	nc
	ふき	2	10	4	nc	nc	nc
	ブロッコリー	75	590	454	101	94	98
	みずな	23	317	288	nc	nc	nc
みつば	2	36	32	nc	nc	nc	
メロン	31	617	533	100	109	110	
温室メロン	16	350	299	100	106	106	
やまのいも	6	38	26	nc	nc	nc	
ながいも	3	17	6	nc	nc	nc	
れんこん	x	x	x	nc	nc	nc	

資料：農林水産省「令和4年産野菜生産出荷統計」及び「令和4年産作物統計」

注：表中に用いた記号「0」：単位に満たないもの(例：0.4ha→0ha)、「-」：事実のないもの、「…」：事実不詳又は調査を欠くもの、「nc」：計算不能